

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **23** /2018/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày **11** tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt số lượng, chức vụ cán bộ, chức danh công chức
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHOÁ XVI KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt số lượng, chức vụ cán bộ, chức danh công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân

phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp công tác ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 05/BC-BPC ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt số lượng, chức vụ cán bộ, chức danh công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thái Bình theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 223/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Đối với số công chức xã, phường, thị trấn đang đảm nhiệm vị trí công chức phải tinh giản được tiếp tục giữ nguyên vị trí công tác cho đến khi được bố trí, sắp xếp đảm nhiệm chức vụ cán bộ, chức danh công chức khác. Sau đó, việc bố trí số lượng, chức danh công chức xã, phường, thị trấn được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này; giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng quy định chuyển tiếp thi hành.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình khoá XVI, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình; Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP.

Chức

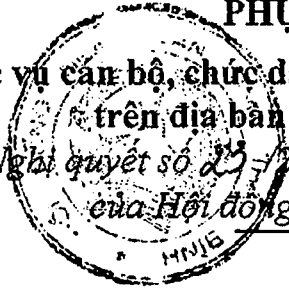
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Diên

PHỤ LỤC

Số lượng, chức vụ cán bộ, chức danh công chức xã, phường, thị trấn
trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐND ngày 11/12/2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh)



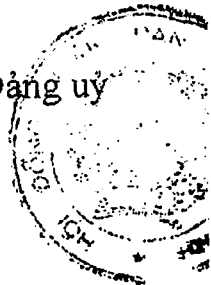
I. SỐ LƯỢNG

1. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại I: bố trí không quá 22 người, trong đó: cán bộ: 11 người; công chức: 11 người.
2. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại II: bố trí không quá 21 người, trong đó: cán bộ: 10 người; công chức: 11 người.
3. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại III: bố trí không quá 18 người, trong đó: cán bộ: 10 người; công chức: 08 người.

II. CHỨC VỤ, CHỨC DANH

1. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại I: 18 chức vụ, chức danh cán bộ, công chức được bố trí không quá 22 người, cụ thể như sau:

- Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: không quá 02 người.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người.
- Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 01 người.
- Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.
- Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.
- Tài chính - kế toán: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Tài chính, kế toán, kế hoạch.
- Tư pháp - hộ tịch, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Tư pháp; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Hộ tịch.




- Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Giáo dục, văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thông; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Y tế, lao động, thương binh và xã hội.

- Văn phòng - thống kê, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Nội vụ, thủ quỹ, thống kê.

- Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Đất đai, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (đối với xã); hoặc Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị (đối với phường, thị trấn).

Trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân.

2. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại II: 18 chức vụ, chức danh cán bộ, công chức được bố trí không quá 21 người, cụ thể như sau:

- Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người.
- Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 01 người.
- Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.
- Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.
- Tài chính - kế toán: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Tài chính, kế toán, kế hoạch.
- Tư pháp - hộ tịch, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Tư pháp; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Hộ tịch. 

- Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Giáo dục, văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thông; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Y tế, lao động, thương binh và xã hội.


- Văn phòng - thống kê, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Nội vụ, thủ quỹ, thống kê.

- Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã) hoặc Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn), được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Đất đai, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới (đối với xã); hoặc Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị (đối với phường, thị trấn).

Trường hợp phường, thị trấn không có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và không có tổ chức Hội Nông dân thì không bố trí chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân.

3. Đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn loại III: 18 chức vụ, chức danh cán bộ, công chức được bố trí không quá 18 người, cụ thể như sau:

a) Đối với xã

- Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Phó Bí thư Đảng ủy: 01 người.
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân: do Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư Đảng ủy kiêm nhiệm.
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân: 01 người.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân: 01 người.
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam: 01 người.
- Bí thư Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh: 01 người.
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam: 01 người.
- Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam: 01 người.
- Trưởng Công an (nơi chưa bố trí lực lượng công an chính quy): 01 người.
- Chỉ huy trưởng Quân sự: 01 người.
- Tài chính - kế toán: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Tài chính, kế toán, kế hoạch.
- Tư pháp - hộ tịch: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Tư pháp, hộ tịch. 

- Văn hóa - xã hội, được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Giáo dục, văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thông; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Y tế, lao động, thương binh và xã hội.

- Văn phòng - thống kê: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân, nội vụ, thủ quỹ, thống kê.

- Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường: 01 người, thực hiện nhiệm vụ công tác Đất đai, tài nguyên, môi trường, xây dựng, giao thông, nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

b) Đối với phường, thị trấn

Được bố trí như đối với xã loại III nhưng chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường được bố trí thay bằng chức danh Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường và được bố trí 02 người: 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Đất đai, tài nguyên và môi trường; 01 công chức thực hiện nhiệm vụ công tác Xây dựng, giao thông, nông nghiệp và đô thị./.
